

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2021/KDTM-PT
Ngày 29 - 3 - 2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thanh
Bà Lê Thị Bích Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Tuyền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vinh Phúc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Xuân Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vinh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2020/TLPT-KDTM ngày 13 tháng 11 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 04/2020/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Vinh Phúc bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 14/2020/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A; địa chỉ: phường B1, quận B2, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng Giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Hoàng Biên Th, sinh năm 1985 và ông Chu Cao T, sinh năm 1979; địa chỉ: số 37 Q, quận H1, Thành phố Hà Nội (Theo văn bản ủy quyền số 3.0141.17 ngày 16/01/2017 và văn bản ủy quyền lại số 46508.20 ngày 17/11/2020), có mặt.

2. Bị đơn: Anh Kim Văn Z, sinh năm 1976; có mặt;

Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; vắng mặt;

Cùng trú tại: Thôn Ch, xã H1, huyện X, tỉnh Vinh Phúc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Đại Thị R, sinh năm 1937; vắng mặt;

Trú tại: Thôn Ch, xã H1, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

4. Người kháng cáo: Bị đơn anh Kim Văn Z.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 6 năm 2019 và các lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 31 tháng 01 năm 2013, phía bị đơn là vợ chồng anh Kim Văn Z và chị Lê Thị H có thỏa thuận và ký kết với Ngân hàng TMCP A hợp đồng tín dụng số 018CN042/HDTD/13 để vay số tiền là 200.000.000 đồng với mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sơn xây dựng; hình thức vay có tài sản bảo đảm, lãi suất của khoản vay trên là 9,9%/năm trong 03 tháng đầu tiên, lãi suất chậm trả bằng 150% lãi trong hạn, thời hạn vay từ ngày 01/02/2013 đến ngày 01/08/2013.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, cùng ngày 31 tháng 01 năm 2013 giữa ngân hàng A và bà Đại Thị R (mẹ anh Kim Văn Z), vợ chồng anh Z chị H đã ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 042/13/HĐTC-VIB 018/BĐ. Theo đó, hộ bà Đại Thị R thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68¹, tờ bản đồ số 21, diện tích 375 m², địa chỉ: Thôn Ch, xã H1, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W210541 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 18/10/2002).

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 01 tháng 02 năm 2013, phía ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng anh Kim Văn Z chị Lê Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận về thời hạn trả nợ gốc vào ngày 01 tháng 8 năm 2013. Vợ chồng anh Z chị H đã trả cho ngân hàng tổng số tiền lãi là 17.662.001 đồng. Từ ngày 07 tháng 02 năm 2014, vợ chồng anh Z chị H vi phạm thỏa thuận đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và không trả bất kỳ khoản gốc, lãi nào cho ngân hàng mặc dù ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh Z, chị H trả nợ vay, thông báo về việc nợ quá hạn, thông báo thu hồi nợ.

Vì vậy, ngân hàng A khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải hoàn trả toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2020 là 461.099.381 đồng (Trong đó: Nợ gốc là 200.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.377.554 đồng, nợ lãi quá hạn là 255.721.827 đồng) và lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc kể từ ngày vi phạm cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp anh Kim Văn Z và chị Lê Thị H không trả được nợ, đề nghị Tòa án xem xét xử lý phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của hộ bà Đại Thị R để thu hồi nợ cho ngân hàng A. Nếu các tài sản thế chấp sau khi bán phát mại không đủ để trả nợ thì phía bị đơn tiếp tục phải trả nợ cho ngân hàng.

Theo bản tự khai ngày 12 tháng 8 năm 2019 và các lần làm việc tiếp theo tại Tòa án, bị đơn anh Kim Văn Z trình bày: Anh thừa nhận việc ký kết hợp đồng tín dụng ngày 31 tháng 01 năm 2013 giữa vợ chồng anh và Ngân hàng A với số tiền vay là 200.000.000 đồng, lãi suất, mục đích vay vốn, thời hạn vay hai bên thỏa thuận như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Để đảm bảo cho khoản vay vợ chồng anh, ngân hàng và bà Đại Thị R (mẹ đẻ của anh) ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68¹, tờ bản đồ số 21, diện tích 375 m², địa chỉ: Thôn Ch, xã H1, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W210541 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 18 tháng 10 năm 2002) đứng tên hộ Đại Thị R. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng anh đã trả được cho ngân hàng số tiền lãi là 17.662.001 đồng. Đến nay do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh không trả được khoản vay trên cho ngân hàng, anh đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho anh được trả dần khoản nợ trên.

Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ và hòa giải tại Tòa án bị đơn là chị Lê Thị H (vợ anh Z) đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập nhiều lần. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Đại Thị R do tuổi cao, sức yếu bà đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và giải quyết vắng mặt bà.

Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 04/2020/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện X quyết định:

Áp dụng: Khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 290, 305, 342, 355, 471, 474, 476, 715, 720, 721 Bộ luật Dân sự 2005; Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng anh Kim Văn Z và chị Lê Thị H phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP A Tổng số tiền là 461.099.381 đồng (Bốn trăm sáu mươi một triệu không trăm chín mươi chín nghìn ba trăm tám mươi một đồng). Trong đó: Số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng); số tiền nợ lãi tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2020 là 261.099.381 đồng (Hai trăm sáu mươi một triệu không trăm chín mươi chín nghìn ba trăm tám mươi một đồng).

Trường hợp vợ chồng Kim Văn Z và chị Lê Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2801-LCL-201402236 ngày 31 tháng 01 năm 2013. Tài sản thế chấp gồm: 01 Quyền sử dụng đất diện tích 375 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68¹, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Ch, xã H1, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên hộ Đại Thị R (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W210541 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 18 tháng 10 năm 2002) và theo hiện trạng sử dụng đất.

Trường hợp các tài sản sau khi được bán phát mại không đủ để trả nợ thì vợ chồng anh Kim Văn Z và chị Lê Thị H phải có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP A cho đến khi trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng số 018CN042/HDTD/13 ngày 31 tháng 01 năm 2013 và khế ước nhận nợ ngày 01 tháng 02 năm 2013 giữa Ngân hàng TMCP A với vợ chồng anh Kim Văn Z, chị Lê Thị H.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền về thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Ngày 22/6/2020, anh Kim Văn Z kháng cáo không đồng ý với nội dung bản án sơ thẩm, anh đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc có quyết định kháng nghị số 844/QĐKNPT-VKS-KDTM đối với Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nội dung kháng nghị cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ nhưng đã quyết định cho phát mại toàn bộ tài sản thế chấp như hiện trạng đang sử dụng của người có nghĩa vụ để thu hồi nợ là chưa có cơ sở vững chắc, đề nghị Tòa án phúc thẩm xử hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc trình bày quan điểm tại phiên tòa về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án. Đối với Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với Tòa án cấp sơ thẩm: Theo Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại là 2.000.000 đồng, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm ra Thông báo nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại là không đúng quy định; nguyên đơn thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật còn bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không chấp hành pháp luật, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối, giữ nguyên nội dung kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức: Kháng cáo của anh Kim Văn Z và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc làm trong hạn luật định nên được xem xét chấp nhận.

[2] Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát đối với phần quyết định của bản án tuyên về xử lý tài sản thế chấp: *“Trường hợp vợ chồng Kim Văn Z và chị Lê Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP A có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bán phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 2801-LCL-201402236 ngày 31 tháng 01 năm 2013. Tài sản thế chấp gồm: 01 Quyền sử dụng đất diện tích 375 m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 68¹, tờ bản đồ số 21, địa chỉ: Thôn Ch, xã H1, huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc đứng tên hộ Đại Thị R (Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W210541 do Ủy ban nhân dân huyện X cấp ngày 18 tháng 10 năm 2002) và theo hiện trạng sử dụng đất”.*

Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình giải quyết, ngày 06/11/2019 Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thẩm định tại chỗ và trích đo địa chính hiện trạng thửa đất số 68¹, tờ bản đồ số 21, diện tích thực tế sử dụng là 517,8m² đất, tăng thêm 142,8m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xác minh Ủy ban nhân dân xã H1 cho biết: phần diện tích tăng thêm 142,8m² đất bao gồm khoảng 41m² đất là diện tích ngõ đi ra đường dân sinh và khoảng 47m² đất do chủ sử dụng chưa kê khai khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn lại tăng lên là do sai số do đo đạc và phương pháp tính toán. Tài liệu có trong hồ sơ vụ án có sơ đồ thửa đất khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2002 khác hoàn toàn sơ đồ hiện trạng thửa đất hiện nay.

Tại phiên tòa anh Z trình bày diện tích tăng thêm 142,8m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích của anh trai anh cho thêm (đổi đất cho hàng xóm để làm ngõ vào cổng nhà anh rộng hơn) và có thể khi đo đạc công ty đo cả diện tích đất ông Bảy hàng xóm.

Như vậy về nguồn gốc diện tích đất tăng thêm 142,8m² hộ gia đình bà Đại Thị R đang sử dụng chưa được Tòa án cấp sơ thẩm làm rõ. Tòa sơ thẩm không lấy lời khai của các hộ xung quanh để xác định thửa đất có tranh chấp hay không, cũng như không lấy lời khai của bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan về việc có đồng ý phát mại toàn bộ tài sản theo hiện trạng không. Tại phiên tòa phúc thẩm, cụ Rùa và chị H vắng mặt, anh Z không đồng ý cho ngân hàng phát mại toàn bộ diện tích thửa đất là 517,8m² theo hiện trạng đang sử dụng, phía ngân hàng không cung cấp sơ đồ diện tích 375 m² đất khi nhận thế chấp.

Từ những phân tích trên thấy Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ nhưng đã quyết định cho phát mại tài sản thế chấp của

người có nghĩa vụ để thu hồi nợ là chưa có cơ sở vững chắc, tại cấp phúc thẩm không khắc phục được nên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Tòa án phúc thẩm xử hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở, được chấp nhận.

[3] Kháng cáo của bị đơn anh Kim Văn Z đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Z trình bày nhất trí nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc. Anh không đồng ý ngân hàng phát mại toàn bộ nhà đất anh đang sử dụng vì gia đình anh chỉ thế chấp 375 m² đất và tài sản trên đất. Diện tích đất tăng thêm 142,8m² đất so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là diện tích của anh trai anh cho thêm (đổi đất cho hàng xóm để làm ngõ vào cổng nhà anh rộng hơn) và có thể khi đo đạc công ty đo cả diện tích đất ông Bảy hàng xóm. Mặt khác khi thế chấp trên đất có 1 ngôi nhà cấp 4, nay gia đình anh đã dỡ bỏ và xây ngôi nhà 1 tầng kiên cố. Toàn nhà đất trên liên quan đến bố mẹ và anh em nhà anh nên anh không đồng ý cho ngân hàng phát mại, anh đề nghị hủy án sơ thẩm về phần xử lý tài sản.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Xét thấy kháng cáo của bị đơn có nội dung trùng với kháng nghị của Viện kiểm sát, như đã phân tích ở trên nên kháng cáo của bị đơn được chấp nhận.

Từ phân tích nêu trên thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ đầy đủ nhưng đã quyết định cho phát mại toàn bộ hiện trạng tài sản thế chấp là 517,8m² đất của người có nghĩa vụ để thu hồi nợ là chưa có cơ sở vững chắc. Mặt khác, phía nguyên đơn chỉ đề nghị xử lý tài sản thế chấp là diện tích 375 m² đất và tài sản trên đất để thu hồi nợ nhưng nguyên đơn không cung cấp được sơ đồ hiện trạng thửa đất có diện tích 375 m² đất khi ký hợp đồng thế chấp. Tại cấp phúc thẩm không khắc phục được nên kháng nghị của Viện kiểm sát và kháng cáo của bị đơn đề nghị Tòa án phúc thẩm xử hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp là có cơ sở, được chấp nhận. Vì vậy, cần phải hủy một phần bản án sơ thẩm về nội dung xử lý tài sản thế chấp để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Vì kháng cáo của bị đơn được chấp nhận nên bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm. Trong vụ án này Tòa án sơ thẩm ra Thông báo nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm kinh doanh thương mại là không đúng. Theo Danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đối với tranh chấp về kinh doanh thương mại là 2.000.000 đồng. Vấn đề này cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308; khoản 1, khoản 2 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Hủy một phần Bản án kinh doanh thương mại số 04/2020/KDTM-ST ngày 15 tháng 5 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc về nội dung xử lý tài sản thế chấp. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Kim Văn Z không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được hoàn trả lại 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006380 ngày 27/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện X, tỉnh Vĩnh Phúc.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ, Tòa dân sự, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh